

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**MỤC LỤC**

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 25

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/ 2011.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Quách Văn Đức	Chủ tịch
Ông Lê Văn Danh	Thành viên/ Giám đốc
Ông Lê Hữu Tịnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bạch Hương	Thành viên
Ông Đỗ Văn Thắng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thuý	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Quỳnh Tâm	Phó Giám đốc
Ông Trương Minh Tiến	Phó Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,



**QUÁCH VĂN ĐỨC**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Số: ~~110~~ DFK-HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2011

**Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa (“Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28 tháng 02 năm 2012, từ trang 03 đến trang 25 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN  
Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV  
Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam  
Ngày 28 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN ANH TUẤN  
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>188.985.526.596</b>	<b>253.228.582.605</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	4	<b>34.207.285.568</b>	<b>84.289.753.509</b>
1. Tiền	111		26.852.285.568	31.639.753.509
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.355.000.000	52.650.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		<b>23.175.000.000</b>	<b>1.250.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	23.175.000.000	1.250.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>	6	<b>85.500.497.770</b>	<b>64.538.564.614</b>
1. Phải thu khách hàng	131		60.158.205.227	52.281.273.185
2. Trả trước cho người bán	132		22.209.280.537	2.112.140.473
3. Các khoản phải thu khác	138		3.306.000.171	10.327.742.821
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(172.988.165)	(182.591.865)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	7	<b>45.080.178.181</b>	<b>95.765.170.078</b>
1. Hàng tồn kho	141		45.080.178.181	95.765.170.078
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>1.022.565.076</b>	<b>7.385.094.404</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	412.661.166	3.778.697.598
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		67.703.485	2.916.407.347
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		542.200.425	689.989.459
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>279.003.919.281</b>	<b>271.893.795.173</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>55.938.295.622</b>	<b>29.207.273.500</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	9	52.666.017.675	27.640.459.473
- Nguyên giá	222		82.533.052.548	38.814.826.476
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.867.034.873)	(11.174.367.003)
2. TSCĐ vô hình	227	10	1.254.635.636	-
- Nguyên giá	228		1.336.298.305	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(81.662.669)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	2.017.642.311	1.566.814.027
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>	12	<b>427.323.035</b>	<b>446.456.909</b>
1. Nguyên giá	241		739.785.948	739.785.948
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(312.462.913)	(293.329.039)
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	13	<b>109.481.175.000</b>	<b>230.258.550.428</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	123.508.550.428
3. Đầu tư dài hạn khác	258		109.481.175.000	106.750.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>270</b>		<b>113.157.125.624</b>	<b>11.981.514.336</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	112.414.695.624	11.897.952.857
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	29.561.479
3. Tài sản dài hạn khác	268		742.430.000	54.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>467.989.445.877</b>	<b>525.122.377.778</b>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 07 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>200.924.884.524</b>	<b>258.064.284.461</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>193.463.717.118</b>	<b>237.676.434.461</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	84.883.804.281	140.675.953.980
2. Phải trả cho người bán	312		82.978.384.327	59.277.995.881
3. Người mua trả tiền trước	313		7.769.462.433	8.145.389.267
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	16	6.466.437.129	12.018.587.829
5. Phải trả công nhân viên	315		1.940.121.129	659.793.165
6. Chi phí phải trả	316		-	209.726.507
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	4.465.234.144
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	8.384.460.543	10.267.090.069
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.041.047.276	1.956.663.619
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>7.461.167.406</b>	<b>20.387.850.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	333		340.314.000	156.384.000
3. Vay và nợ dài hạn	334	18	6.886.512.400	20.013.000.000
4. Thuế TNDN hoãn lại phải trả	335		-	-
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		234.341.006	218.466.000
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>232.160.506.234</b>	<b>232.289.837.734</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	19	<b>232.160.506.234</b>	<b>232.289.837.734</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		213.437.600.000	213.437.600.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.064.000.000	2.064.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.517.778.842	3.517.778.842
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.127.976.708	2.127.976.708
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		919.592.183	919.592.183
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		10.093.558.501	10.222.890.001
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>34.904.055.119</b>	<b>34.768.255.583</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>500</b>		<b>467.989.445.877</b>	<b>525.122.377.778</b>



**LÊ VĂN DANH**

Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

**NGUYỄN THỊ THỦY VÂN**

Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 07 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.773.959.729.362	1.855.334.797.293
2. Các khoản giảm trừ	02		-	5.780.733
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	2.773.959.729.362	1.855.329.016.560
4. Giá vốn hàng bán	11	21	2.705.447.575.723	1.801.496.557.310
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68.512.153.639	53.832.459.250
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	18.752.150.557	34.115.221.176
7. Chi phí tài chính	22	23	26.477.263.572	25.632.124.298
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		26.477.263.572	25.632.124.298
8. Chi phí bán hàng	24	24	28.085.625.034	11.980.240.564
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	13.317.403.991	19.471.876.202
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.384.011.598	30.863.439.362
11. Thu nhập khác	31		370.273.535	946.080.362
12. Chi phí khác	32		306.829.861	1.254.645.609
13. Lợi nhuận khác	40		63.443.674	(308.565.247)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.447.455.272	30.554.874.115
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	26	3.853.373.775	7.014.701.001
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		29.561.479	97.688.161
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.564.520.019	23.442.484.953
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		5.329.464.201	9.447.822.980
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		10.235.055.818	13.994.661.973
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	27	480	685



LÊ VĂN DANH

Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

NGUYỄN THỊ THUY VÂN

Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 07 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>	<b>25.080.705.272</b>	<b>30.554.874.115</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	2	5.001.775.213	2.868.352.214
Các khoản dự phòng	3	(9.603.700)	(11.434.000)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-	-
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	5	(24.354.427.885)	(17.461.329.796)
Chi phí lãi vay	6	26.477.263.572	26.217.188.560
<b>2. Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>	<b>32.195.712.472</b>	<b>42.167.651.093</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(26.362.258.492)	56.155.924.849
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	50.449.576.664	(2.215.638.264)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	24.931.358.703	(1.381.976.544)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(3.714.353)	(1.890.486.792)
Tiền lãi vay đã trả	13	(26.686.990.079)	(26.217.188.560)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(11.008.636.854)	(978.560.865)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>43.515.048.061</b>	<b>65.639.724.917</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(11.504.287.723)	(8.915.537.302)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	7.163.636	22.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	(23.175.000.000)	(167.488.568.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	1.250.000.000	301.569.693.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.731.175.020)	(26.750.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	32.103.392.489	17.464.838.391
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.049.906.618)</b>	<b>115.902.426.089</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	9.319.800.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	(210.000.000)
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.521.046.306.341	1.572.874.384.060
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.589.964.943.640)	(1.672.822.164.840)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(20.628.972.084)	(23.406.383.353)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(89.547.609.383)</b>	<b>(114.244.364.133)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(50.082.467.940)</b>	<b>67.297.786.873</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	84.289.753.509	16.991.966.636
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>34.207.285.569</b>	<b>84.289.753.509</b>



**LÊ VĂN DANH**

Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

**NGUYỄN THỊ THÙY VÂN**

Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 07 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**I. Thông tin khái quát**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa là công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000608 ngày 08/12/2008 và giấy phép điều chỉnh lần đầu ngày 24/3/2009. Công ty chính thức chuyển sang cổ phần từ ngày 08/12/2008.

Trụ sở chính Công ty đặt tại số 95A, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng và tuân theo các quy định hiện hành của Luật Chứng khoán đối với Công ty đại chúng theo Quyết định số 238/CQĐĐ-NV ngày 24/10/2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Đến thời điểm 31/12/2011, Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Bất động sản Thống Nhất (gọi tắt là "Công ty con"). Quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty con là 53,65% tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty tại Công ty con theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty con.

**2. Hoạt động kinh doanh chính**

Bán lẻ xăng, dầu, nhớt, mỡ bò và khí dầu mỏ hóa lỏng (không chứa hàng tại trụ sở); bán buôn hàng trang trí nội thất; đồ điện gia dụng, bếp gas, bán buôn máy móc ngành nông nghiệp; kinh doanh du lịch lữ hành nội địa; đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; sửa chữa và bảo dưỡng mô tơ điện; máy phát điện; bán lẻ sắt thép; phụ tùng bếp gas, bếp gas; bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế, và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar); bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ bò và dầu khí mỏ hóa lỏng (không chứa hàng tại trụ sở); kinh doanh bất động sản; quảng cáo; đại lý bưu điện; bán buôn rượu, bia, nước giải khát; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; bán buôn máy móc ngành công, lâm nghiệp; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; vận tải hành khách đường thủy nội địa theo hợp đồng; bán lẻ rượu, bia, nước giải khát; sửa chữa trụ bơm xăng, dầu; bán buôn sắt, thép.

**Thông tin về công ty con và công ty liên kết**

Danh sách công ty con và công ty liên kết đến ngày 31/12/2011 như sau:

Tên Công ty	Quan hệ	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Bất động sản Thống Nhất	Công ty con	95A Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**Thông tin về chi nhánh**

**1. Cụm Xăng dầu Số 1**

Trạm xăng dầu Long Khánh  
QL 1, Phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Xuân Tân  
QL1, Xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Hàng Gòn  
QL 56, Xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh, Đồng Nai

**2. Cụm Xăng dầu số 2**

Trạm xăng dầu Ngã Ba Vũng Tàu  
Xã lộ Hà Nội, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**

---

Trạm xăng dầu Long Bình Tân  
KP Bình Dương, QL 51, Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai

3. Cụm Xăng dầu số 3

Trạm xăng dầu Nhơn Trạch  
Tỉnh lộ 25B, xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Phước Bình  
Km37+100, QL51, Xã Phước Bình, Huyện Long Thành, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Long Tân  
Tỉnh lộ 25B, xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

4. Cụm Xăng dầu số 4

Trạm xăng dầu Xuân Thạnh  
QL 20, Xã Xuân Thạnh, Huyện Thống Nhất, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Tín Thành  
QL 1, Xã Xuân Thạnh, Huyện Thống Nhất, Đồng Nai

Cửa hàng Vật liệu xây dựng Dầu Giấy (đã ngừng hoạt động và giải thể vào cuối năm 2011)  
QL 20, Xã Xuân Thạnh, Huyện Thống Nhất, Đồng Nai

5. Cụm Xăng dầu số 5

Trạm xăng dầu Xuân Thọ  
Áp Thọ Chánh, tỉnh lộ 763, Xã Xuân Thọ, Huyện Xuân Lộc, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Túc Trưng  
Áp Đồn Điền 1, QL 20, xã Túc Trưng, Huyện Định Quán, Đồng Nai

6. Cụm Xăng dầu số 6

Trạm xăng dầu 34  
Đường Hùng Vương, Phường Xuân Trung, thị xã Long Khánh, Đồng Nai

Trạm xăng dầu 35,  
QL 1, Phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, Đồng Nai

Trạm xăng dầu 97  
QL 1, Xã Suối Cát, Huyện Xuân Lộc, Đồng Nai

Cửa hàng Vật liệu xây dựng Long Khánh  
QL 1, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Đồng Nai

7. Cụm Xăng dầu số 7

Trạm xăng dầu Suối Tre  
QL1, Xã Suối Tre, Thị xã Long Khánh, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Suối Tre 2  
Áp Suối tre, QL1, Xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh, Đồng Nai

8. Cụm Xăng dầu số 8

Trạm Xăng dầu Quang Trung  
Quốc lộ 20, Xã Quang Trung, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng nai

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

---

Trạm xăng dầu Gia Tân  
Áp Đức Long 2, QL20, Xã Gia Tân 2, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai

9. Cụm Xăng dầu số 9

Trạm xăng dầu Vĩnh An  
KP5, tỉnh lộ 767, thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Phú Lý  
Số 177, Tỉnh lộ 761, Xã Phú Lý, Huyện Vĩnh Cửu, Đồng nai

Trạm xăng dầu Bàu Hàm  
15/02A, ấp Cây Kiều, Xã Bàu Hàm, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai

10. Cụm Xăng dầu số 10

Trạm xăng dầu Cầu Mới  
1/4 Nguyễn Ái Quốc, Phường Hòa Bình, Biên Hòa, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Tân Bình  
Áp Bình Phước, tỉnh lộ 768, Xã Tân Bình, Huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Tân Tiến  
KP7, Phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

11. Cụm Xăng dầu số 11

Trạm xăng dầu Tân Phong  
Số 126, đường Đồng Khởi, Phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Trạm Xăng dầu Tân Hòa  
KP5, Quốc lộ 1, Phường Tân Hòa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Trạm xăng dầu Thạnh Phú  
Áp 2, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai

12. Trạm xăng dầu La Ngà  
Áp Phú Quý, QL 20, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai

13. Trạm xăng dầu ICD Biên Hòa  
Quốc lộ 51, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

14. Trạm xăng dầu Sông Trầu  
Áp 7, Xã Sông Trầu, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai

## **II. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất và năm tài chính**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày vào 31/12.

## **III. Các chính sách kế toán áp dụng**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận

### **Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### **Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa và công cụ, dụng cụ: giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

### **Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

### **Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

#### **Tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

#### **Khấu hao tài sản cố định**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cụ thể như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20 năm
Máy móc thiết bị	5 – 15 năm
Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
Thiết bị quản lý	5 – 08 năm

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

#### **Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất trong vòng 50 năm.

### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là các cửa hàng do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 20 năm.

### **Chi phí trả trước**

Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2008. Giá trị lợi thế vị trí địa lý được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng của các khu đất là 50 năm.

### **Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích lập vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ công nhân viên đã làm việc tại công ty được hơn 1 năm với mức trích lập bằng 3% tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế trong năm.

### **Ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

#### ***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

#### ***Cổ tức***

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc được quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### ***Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản***

Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng giai đoạn I.

## **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán**

4. Tiền các khoản tương đương tiền	31/12/2011	31/12/2010
Tiền mặt	10.174.612.637	695.263.315
Tiền gửi ngân hàng	16.677.672.931	30.944.490.194
Các khoản tương đương tiền	7.355.000.000	52.650.000.000
	<b>34.207.285.568</b>	<b>84.289.753.509</b>

Khoản tương đương tiền là tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Đại Á, lãi suất từ 12.5% đến 14%/năm.

5. Đầu tư ngắn hạn	31/12/2011	31/12/2010
Mua kỳ phiếu ghi danh	-	1.250.000.000
Cho vay Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á	15.000.000.000	-
Cho vay Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	8.175.000.000	-
	<b>23.175.000.000</b>	<b>1.250.000.000</b>

Trong năm 2011, Công ty cho các bên liên quan vay vốn như sau:

Khoản cho vay Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á (là cổ đông góp vốn vào công ty con) với số tiền là 15.000.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng, lãi suất cho vay là 3,6%/tháng, khoản vay này không cần thế chấp và đáo hạn vào tháng 02/2012.

Khoản cho vay Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa (là cổ đông góp vốn vào công ty con) với số tiền là 8.175.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng, lãi suất cho vay là 3,6%/tháng, khoản vay này không cần thế chấp và đáo hạn vào tháng 02/2012.

6. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2011	31/12/2010
Phải thu khách hàng	60.158.205.227	52.281.273.185
Trả trước cho người bán	22.209.280.537	2.112.140.473
Các khoản phải thu khác (*)	3.306.000.171	10.327.742.821
<b>Cộng các khoản phải thu</b>	<b>85.673.485.935</b>	<b>64.721.156.479</b>
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(172.988.165)	(182.591.865)
<b>Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>85.500.497.770</b>	<b>64.538.564.614</b>

(*) Các khoản phải thu khác tại ngày 31/12 bao gồm	31/12/2011	31/12/2010
Ứng trước cổ tức cho các cổ đông	-	9.425.579.432
Phải thu khác từ Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	-	139.668.967
Phải thu cổ tức được chia từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á	3.202.500.000	743.812.500
Phải thu khác	103.500.171	18.681.922
	<b>3.306.000.171</b>	<b>10.327.742.821</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

7. Hàng tồn kho	31/12/2011	31/12/2010
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.795.970.569	43.363.674.917
Xăng, dầu, nhớt, gas	14.921.317.380	47.821.803.840
Vật liệu xây dựng	1.812.541.478	4.579.691.321
Công cụ dụng cụ	550.348.754	-
	<b>45.080.178.181</b>	<b>95.765.170.078</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<b>45.080.178.181</b>	<b>95.765.170.078</b>

Chi phí sản xuất dở dang là chi phí xây dựng và giá vốn đất nền thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu chợ và Phố chợ 6,9 Hecta tại huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Bất động sản Thống Nhất.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn	Năm 2011	Năm 2010
Tại ngày 01/01	3.778.697.598	297.437.500
Tăng trong năm	1.412.426.120	7.775.688.012
Phân bổ vào chi phí trong năm	(4.778.462.552)	(4.267.766.096)
Giảm khác		(26.661.818)
Tại ngày 31/12	<b>412.661.166</b>	<b>3.778.697.598</b>

**Số dư tại ngày 31/12 bao gồm:**

	31/12/2011	31/12/2010
Chi phí lãi vay chưa ghi nhận vào chi phí	-	3.540.191.651
Phí bảo lãnh thanh toán ngân hàng	104.687.497	71.539.997
Chi phí bảo hiểm tài sản	105.404.802	162.838.950
Công cụ dụng cụ phân bổ	202.568.867	4.127.000
	<b>412.661.166</b>	<b>3.778.697.598</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Ngày 01/01/2011	11.085.953.630	4.350.201.733	23.094.283.458	284.387.655	38.814.826.476
Tăng trong năm	32.438.371.216	10.678.971.917	643.467.916	-	43.760.811.048
Mua mới	8.299.020.810	774.672.408	643.467.916	-	9.717.161.134
Nhận hoàn trả tài sản góp vốn	24.139.350.406	9.904.299.509	-	-	34.043.649.914
Giảm trong năm	-	-	-	(42.584.976)	(42.584.976)
Thanh lý	-	-	-	(42.584.976)	(42.584.976)
Ngày 31/12/2011	<b>43.524.324.846</b>	<b>15.029.173.650</b>	<b>23.737.751.374</b>	<b>241.802.679</b>	<b>82.533.052.548</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

**9. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

**Hao mòn lũy kế**

Ngày 01/01/2011	3.504.338.653	2.297.252.257	5.294.015.523	78.760.570	11.174.367.003
Tăng trong năm	9.853.753.402	6.417.899.569	2.366.327.400	59.136.168	18.697.116.538
Khấu hao trong năm	1.331.648.171	1.143.866.931	2.366.327.400	59.136.168	4.900.978.670
Nhận hoàn trả tài sản góp vốn	8.522.105.231	5.274.032.638	-	-	13.796.137.868
Giảm trong năm	-	-	-	(4.448.668)	(4.448.668)
Thanh lý	-	-	-	(4.448.668)	(4.448.668)
Ngày 31/12/2011	<u>13.358.092.055</u>	<u>8.715.151.826</u>	<u>7.660.342.923</u>	<u>133.448.070</u>	<u>29.867.034.873</u>

**Giá trị còn lại**

Ngày 01/01/2011	<u>7.581.614.977</u>	<u>2.052.949.476</u>	<u>17.800.267.935</u>	<u>205.627.085</u>	<u>27.640.459.473</u>
Ngày 31/12/2011	<u>30.166.232.791</u>	<u>6.314.021.824</u>	<u>16.077.408.451</u>	<u>108.354.609</u>	<u>52.666.017.675</u>

Theo Biên bản thanh lý hợp đồng liên kết ký ngày 15/4/2011 giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa (gọi tắt là Petrol Trade), hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng liên kết kinh doanh ngày 19/06/2009 và Petrol Trade sẽ hoàn trả lại toàn bộ những tài sản đã nhận góp vốn từ Công ty, bao gồm nguyên giá nhận ban đầu và giá trị khấu hao tài sản tính đến ngày bàn giao. Giá trị tài sản hoàn trả lại được căn cứ vào giá trị sổ sách của những tài sản này tại ngày bàn giao.

**10. Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất

**Nguyên giá**

**Tại ngày 01/01/2011**

Tăng trong năm 1.336.298.305

Mua mới 1.336.298.305

Giảm trong năm -

**Tại ngày 31/12/2011** 1.336.298.305

**Hao mòn lũy kế**

**Tại ngày 01/01/2011**

Tăng trong năm 81.662.669

Khấu hao trong năm 81.662.669

Giảm trong năm -

**Tại ngày 31/12/2011** 81.662.669

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2011 -

**Tại ngày 31/12/2011** 1.254.635.636

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2011	31/12/2010
Công trình xây dựng trạm xăng dầu Sông Trầu	-	1.444.359.481
Công trình xây dựng trạm xăng dầu Định Quán 2	930.463.502	-
Công trình xây dựng trạm xăng dầu Định Quán 1	945.236.354	-
Công trình xây dựng và sửa chữa các trạm xăng dầu khác	141.942.455	122.454.546
	<b>2.017.642.311</b>	<b>1.566.814.027</b>

Đây là các công trình xây dựng các trạm xăng dầu mở rộng của Công ty. Trong đó, các trạm xăng dầu Định Quán 1 và Định Quán 2 đã xây dựng hoàn thành và đi vào hoạt động từ tháng 01/ 2012.

**12. Bất động sản đầu tư**

	Cửa hàng cho thuê
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2011	739.785.948
Tăng trong năm	-
Giảm trong năm	-
Tại ngày 31/12/2011	<b>739.785.948</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2011	293.329.039
Khấu hao trong năm	19.133.874
Giảm trong năm	-
Tại ngày 31/12/2011	<b>312.462.913</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2011	<b>446.456.909</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>427.323.035</b>

**13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2011	31/12/2010
Góp vốn kinh doanh vào Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	-	123.508.550.428
Đầu tư dài hạn khác	109.481.175.000	106.750.000.000
	<b>109.481.175.000</b>	<b>230.258.550.428</b>

**Góp vốn liên doanh vào công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa**

Theo Biên bản thanh lý hợp đồng liên kết vào ngày 15/4/2011, hợp đồng liên kết kinh doanh này được thỏa thuận chấm dứt trước thời hạn với nguyên nhân là việc liên kết kinh doanh không còn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của cả hai bên. Theo đó, Công ty sẽ nhận bàn giao lại toàn bộ tài sản đem đi góp vốn liên doanh cũng như kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ nợ liên quan đến hoạt động của các trạm xăng góp vốn. Ngoài ra, không phát sinh bất kỳ nghĩa vụ nào mà hai bên phải gánh chịu liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

**13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

**Đầu tư dài hạn khác**

Tính tới thời điểm ngày 31/12/2011, Công ty đã đầu tư mua cổ phiếu của các doanh nghiệp sau, đây là các cổ phiếu phổ thông và không hạn chế chuyển nhượng

	31/12/2011		31/12/2010	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á	106.750.000.000	3,4%	106.750.000.000	3,4%
Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư	2.093.175.000	0,1%	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	638.000.000	1,1%	-	-
	<b>109.481.175.000</b>		<b>106.750.000.000</b>	

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Năm 2011	Năm 2010
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>11.897.952.857</b>	<b>112.883.456.471</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>102.568.880.975</b>	<b>282.183.311</b>
- Mua trong kỳ	5.359.153.116	282.183.311
- Nhận bàn giao lại sau khi kết thúc góp vốn liên doanh	97.209.727.859	-
<b>Giảm trong năm</b>	<b>(2.052.138.208)</b>	<b>(101.267.686.925)</b>
- Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(2.052.138.208)	(1.888.826.925)
- Góp vốn liên doanh	-	(99.378.860.000)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>112.414.695.624</b>	<b>11.897.952.857</b>
<b>Giá trị chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2011 bao gồm:</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất dùng làm trạm xăng dầu	111.513.928.333	11.586.240.000
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	900.767.291	62.735.877
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	225.886.984
Chi phí bảo hiểm tài sản	-	23.089.996
	<b>112.414.695.624</b>	<b>11.897.952.857</b>

Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất được hình thành từ việc xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời hạn thuê đất là 50 năm. Trong năm 2011, Công ty nhận lại giá trị lợi thế thương mại đem đi góp vốn kinh doanh sau khi chấm dứt hoạt động liên doanh là 96.674.673.332 đồng.

Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của các khu đất thuê làm trạm xăng dầu được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng nhất quán theo thời gian thuê của đất.

**15. Vay và nợ ngắn hạn**

	Năm 2011	Năm 2010
<b>Vay ngắn hạn</b>		
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	71.963.285.500	77.880.218.780
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải	-	44.389.735.200
- Công ty TNHH Tổng Công ty Tín Nghĩa	10.616.518.781	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.304.000.000	18.406.000.000
	<b>84.883.804.281</b>	<b>140.675.953.980</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

**15. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)**

Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 2011035/HM3/KHDN ngày 22/8/2011. Theo đó, hạn mức tín dụng của khoản vay là 100.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ 01 đến 02 tháng kể từ ngày nhận nợ theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay theo biểu thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm rút vốn. khoản vay này được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho việc kinh doanh xăng dầu và được bảo lãnh vay vốn bởi Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Khoản phải trả Tổng công ty Tín Nghĩa bao gồm tiền mua tài sản, thuế phí...; khoản phải trả này không quy định thời hạn trả nợ, không cần thế chấp và bắt đầu tính lãi theo lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương kể từ ngày 01/01/2011.

**16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Năm 2011	Năm 2010
Thuế giá trị gia tăng	3.118.035.097	1.315.880.051
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.309.177.710	10.610.706.854
Thuế thu nhập cá nhân còn phải nộp	39.224.321	92.000.924
	<b>6.466.437.129</b>	<b>12.018.587.829</b>

**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Năm 2011	Năm 2010
Doanh thu nhận trước từ việc buôn bán xăng dầu	201.146.437	2.967.599.999
Tiền mượn từ Tổng Công ty Tín Nghĩa	7.596.791.794	5.298.549.337
Chi khen thưởng cho Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	-	675.746.555
Chi khen thưởng Hội đồng Quản trị- Ban điều hành	-	105.000.000
Các khoản phải trả khác	586.522.312	1.220.194.178
	<b>8.384.460.543</b>	<b>10.267.090.069</b>

**18. Vay và nợ dài hạn**

	Năm 2011	Năm 2010
Vay dài hạn		
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải	-	29.203.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại Á	3.300.000.000	4.400.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Đồng Nai	5.890.512.400	4.816.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	(2.304.000.000)	(18.406.000.000)
	<b>6.886.512.400</b>	<b>20.013.000.000</b>

Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Đại Á theo hợp đồng tín dụng số TD09/0345/HS ngày 01/9/2009 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 04/9/2009, Công ty bắt đầu trả nợ gốc từ ngày 04/3/2011. Lãi suất cho vay là 17,6%/năm và điều chỉnh 3 tháng một lần. Khoản vay này được sử dụng để mua xe bồn và được thế chấp bởi tài sản của công ty là 04 chiếc xe bồn hình thành từ nguồn vốn vay có giá trị ước tính là 6.307.218.000 đồng.

Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng số 2010051/KHDN/NHNT-DA ngày 07/10/2010 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 07/10/2010, Công ty bắt đầu trả nợ gốc từ ngày 07/10/2011. Lãi suất cho vay là 17,6%/năm và điều chỉnh 03 tháng/lần. Khoản vay này được sử dụng để mua xe bồn và được thế chấp bởi tài sản của Công ty là 04 chiếc xe bồn hình thành từ nguồn vốn vay có giá trị ước tính là 6.392.145.456 đồng.

Và hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 2011050/DA/KHDN ngày 21/11/2011 với thời hạn vay là 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, Công ty bắt đầu trả nợ gốc từ ngày 21/12/2012. Lãi suất cho vay theo thông báo của NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai tại thời điểm giải ngân đầu tiên và được điều chỉnh 01 quý/lần. Khoản vay này được sử dụng để thanh toán các chi phí phát sinh của việc đầu tư dự án trạm xăng dầu Định Quán 1 và Định Quán 2 và được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc 02 dự án này với tổng giá trị không thấp hơn 9.383.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

**19. Nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Ngày 01/01/2010	204.547.800.000	(4.023.150.000)	(220.000.000)	4.850.307.151	18.012.868.562	223.167.825.713
Tăng vốn	8.889.800.000					8.889.800.000
Thặng dư vốn		4.023.150.000				4.023.150.000
Mua cổ phiếu quỹ			(210.000.000)			(210.000.000)
Bán cổ phiếu quỹ			430.000.000			430.000.000
Trích lập quỹ				3.779.040.582	(4.867.257.181)	(1.088.216.599)
LN trong năm					13.994.661.973	13.994.661.973
Chi trả cổ tức					(16.917.383.353)	(16.917.383.353)
Ngày 31/12/2010	<b>213.437.600.000</b>	-	-	<b>8.629.347.733</b>	<b>10.222.890.001</b>	<b>232.289.837.734</b>
Lãi năm 2011	-	-	-	-	10.235.055.818	10.235.055.818
Giảm khác	-	-	-	-	(235.415.233)	(235.415.233)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(10.128.972.084)	(10.128.972.084)
Ngày 31/12/2011	<b>213.437.600.000</b>	-	-	<b>8.629.347.733</b>	<b>10.093.558.501</b>	<b>232.160.506.234</b>

**Vốn góp cổ đông**

Cổ đông sáng lập	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2011	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp
Tổng Công ty Tín Nghĩa - Công ty TNHH, đại diện bởi ông Quách Văn Đức và ông Lê Hữu Tịnh	17.343.760	81%	17.343.760	81%
Cán bộ công nhân viên Tổng công ty Tín Nghĩa và Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa	4.000.000	19%	3.102.020	15%
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Á	-	0%	897.980	4%
	<b>21.343.760</b>	<b>100%</b>	<b>21.343.760</b>	<b>100%</b>

Công ty đang tiến hành xin sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với nội dung liên quan đến việc thay đổi các cổ đông góp vốn cũng như tỷ lệ góp vốn theo thực tế vốn góp tại ngày 31/12/2011.

**Cổ phiếu**

	Năm 2011	Năm 2010
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	<b>21.343.760</b>	<b>21.343.760</b>
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	<b>21.343.760</b>	<b>21.343.760</b>
- Cổ phiếu thường	21.343.760	21.343.760
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>21.343.760</b>	<b>21.343.760</b>
- Cổ phiếu thường	21.343.760	21.343.760
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**Cổ tức**

Trong năm 2011, Công ty đã tiến hành chia cổ tức cho các Cổ đông theo Nghị Quyết của Đại hội cổ đông với số tiền là 10.128.972.084 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm 2011	Năm 2010
<b>20. Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán xăng dầu	2.694.046.781.557	1.763.595.782.201
Doanh thu kinh doanh bất động sản	35.518.006.882	51.666.261.524
Doanh thu bán vật liệu xây dựng và doanh thu khác	44.394.940.923	40.072.753.568
	<u>2.773.959.729.362</u>	<u>1.855.334.797.293</u>
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu	-	(5.780.733)
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u><b>2.773.959.729.362</b></u>	<u><b>1.855.329.016.560</b></u>
<b>21. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn xăng dầu đã cung cấp	2.641.771.019.627	1.741.342.514.991
Giá vốn kinh doanh bất động sản	22.826.173.520	27.102.742.600
Giá vốn vật liệu xây dựng và giá vốn khác	40.850.382.576	33.051.299.719
	<u>2.705.447.575.723</u>	<u>1.801.496.557.310</u>
<b>22. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi đầu tư cho vay	1.027.454.940	15.071.130.482
Lãi đầu tư góp vốn Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	2.227.572.338	9.425.579.432
Cổ tức được chia từ Ngân Hàng Đại Á	10.675.000.000	2.332.859.500
Lãi thu tiền hàng thanh toán chậm và lãi tiền gửi ngân hàng	4.822.123.279	7.285.651.762
	<u>18.752.150.557</u>	<u>34.115.221.176</u>
<b>23. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	26.477.263.572	25.632.124.298
	<u>26.477.263.572</u>	<u>25.632.124.298</u>
<b>24. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	14.418.683.728	4.504.433.367
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.444.717.140	1.908.525.527
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.933.625.392	3.343.526.399
Phân bổ lợi thế thương mại	1.683.984.999	241.380.000
Chi phí bằng tiền khác	2.387.729.779	1.906.443.837
Chi phí công cụ, đồ dùng	216.883.996	75.931.434
	<u>28.085.625.034</u>	<u>11.980.240.564</u>
<b>25. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	7.371.968.159	3.917.825.717
Chi phí công cụ, dụng cụ	388.522.798	493.648.933
Chi phí khấu hao	318.251.170	485.467.243
Thuế phí, lệ phí, thù tục phí	2.053.107.064	344.915.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.210.289	2.706.250.771
Chi phí bằng tiền khác	75.926.163	2.736.654.698
Chi phí niêm yết trên thị trường chứng khoán Mỹ	-	8.787.113.340
	<u>13.317.403.991</u>	<u>19.471.876.202</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2011	Năm 2010
Công ty cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa	-	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Thống Nhất	3.853.373.775	7.014.701.001
	<b>3.853.373.775</b>	<b>7.014.701.001</b>

**27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở sau:

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.235.055.818	13.994.661.973
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.343.760	20.435.484
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	480	685

**28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí phân bổ	6.184.190.919	3.079.114.062
Chi phí nhân công	21.790.651.887	8.516.018.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.499.853.392	42.086.843.924
Chi phí bằng tiền khác	4.754.506.347	4.872.882.804
	<b>64.229.202.545</b>	<b>58.554.859.366</b>

**29. Số dư đầu kỳ**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ phát sinh từ việc phát hiện ra những sai sót của năm tài chính trước đây và việc phân loại lại cần phải điều chỉnh, số dư trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại như sau:

**Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán**

	Số liệu ngày 01/01/2011	Số liệu ngày 31/12/2010	Chênh lệch
Nguyên giá tài sản cố định vô hình	-	1.212.952.000	(1.212.952.000)
Hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình	-	(1.150.216.123)	1.150.216.123
Chi phí trả trước dài hạn	11.897.952.857	11.835.216.980	62.735.877

**Các khoản mục trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Số liệu ngày 01/01/2011	Số liệu ngày 31/12/2010	Chênh lệch
Khấu hao tài sản cố định	2.868.352.214	2.873.793.302	(5.441.088)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(1.890.486.792)	(1.895.927.880)	5.441.088

Các số liệu đầu năm của báo cáo tài chính năm 2011 được điều chỉnh hồi tố là giá trị của chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng các khu đất thuê được sử dụng để xây dựng cây xăng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

**30. Các thông tin bổ sung báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Trong năm, công ty phát sinh các chỉ tiêu tài chính phi tiền tệ như sau:

Nội dung	Giá trị
Giá trị tài sản cố định nhận lại sau khi kết thúc hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	34.043.649.914
Giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định nhận lại sau khi kết thúc hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	13.796.137.868
Giá trị lợi thế vị trí địa lý của các khu đất trạm xăng nhận lại sau khi kết thúc hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	96.674.673.332
Giá trị của khoản chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của các khu đất được sử dụng xây dựng làm trạm xăng	472.318.630
	144.986.779.744

**31. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Bán hàng	Năm 2011	Năm 2010
Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	227.092.271	202.190.283
Công ty Cổ phần Tín Khai	30.971.817	-
Tổng Công ty Tín Nghĩa	40.599.415	101.498.294.183
Công ty Cp Xây dựng Tín Nghĩa	-	106.181.818
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	-	571.349.453.572
ICD Đồng Nai	47.195.308	-
ICD Biên Hòa	1.985.389.983	6.738.636
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Tín Nghĩa	9.834.768.922	2.687.569.180
Cộng ty TNHH MTV du lịch và dịch vụ Tín Nghĩa	396.764.676.396	-
Ngân hàng TMCP Đại Á	802.470.067	342.705.011
Công ty TNHH MTV KCN Nhơn Trạch 3	357.435.253	-
Công ty TNHH MTV đá Granite Tín Nghĩa	19.675.438	5.454.546
Công ty TNHH MTV KCN Ông Kèo	28.723.091	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nông Sản Tín Nghĩa	-	1.689.600
Sàn giao dịch Bất Động Sản Tín Nghĩa	73.702.183	-
Công ty CP Thống Nhất	170.372.687	-
Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch	1.130.953.316	1.085.493.980
Trạm xăng dầu Suối Tre	-	2.072.728
Trạm xăng dầu Tân Phú	97.472.726	-
Trạm xăng dầu Xuân Thọ	-	800.455
	<b>411.611.498.874</b>	<b>677.288.643.992</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ

**31. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)**

<b>Mua hàng</b>	Năm 2011	Năm 2010
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa	141.207.406.422	232.377.233.714
Tổng Công ty Tín Nghĩa	10.616.518.781	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Tín Nghĩa	-	207.502.273
Công ty TNHH MTV Quản lý Dự án Tín Nghĩa	12.150.000	-
Công ty TNHH MTV KCN Nhơn Trạch 3	-	24.360.000
Công ty CP Thiết Kế và Tư Vấn Xây Dựng Tín Nghĩa	-	17.181.818
	<b>151.836.075.203</b>	<b>232.626.277.805</b>

<b>Sử dụng dịch vụ</b>	Năm 2011	Năm 2010
Sàn giao dịch Bất động sản Tín Nghĩa	901.261.810	251.066.409
Công ty TNHH MTV Quản lý Dự án Tín Nghĩa	495.765.587	48.924.412
Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á	3.667.335.229	1.693.704.116
	<b>5.064.362.626</b>	<b>1.993.694.937</b>

<b>Cho vay</b>	Năm 2011	Năm 2010
Tổng Công ty Tín Nghĩa	-	19.488.568.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	8.175.000.000	-
	<b>23.175.000.000</b>	<b>19.488.568.000</b>

**Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:**

<b>Phải thu</b>	31/12/2011	31/12/2010
Tổng Công ty Tín Nghĩa	6.777.200	-
Công ty CP Thiết Kế và Tư Vấn Xây Dựng Tín Nghĩa	-	23.001.500
ICD Đồng nai	6.663.800	-
Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch	71.240.000	14.178.050
ICD Biên Hoà	130.111.200	-
Công ty CP Phát Triển KCN Tín Nghĩa	49.995.450	-
Công ty TNHH MTV KCN Ông Kèo	3.328.000	-
Công ty CP Thống Nhất	24.481.800	-
Công ty cổ phần Tín Khai	4.160.000	-
Sàn giao dịch bất động sản Tín Nghĩa	4.576.000	-
Cty TNHH MTV Du lịch và dịch vụ Tín Nghĩa	2.622.850.000	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Tín Nghĩa	3.014.950.850	-
Công ty TNHH MTV KCN Nhơn Trạch 3	112.146.700	-
Công ty TNHH MTV KDXD Tín Nghĩa	-	27.904.361.991
	<b>6.051.281.000</b>	<b>27.941.541.541</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

**31. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)**

<b>Phải trả</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
Công ty CP Thiết Kế và Tư Vấn Xây Dựng Tín Nghĩa	-	9.900.000
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Tín Nghĩa	-	37.554.000
Tổng Công ty Tín Nghĩa	10.616.518.781	5.298.549.337
Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á	468.116.650	1.693.704.116
Công ty TNHH MTV KDXD Tín Nghĩa	-	554.290.938
	<b>10.616.518.781</b>	<b>7.593.998.391</b>

**32. Các sự kiện quan trọng trong năm**

**Chấm dứt hoạt động liên kết kinh doanh với Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xăng dầu Tín Nghĩa**

Vào ngày 15/4/2011, hai bên đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng liên kết kinh doanh ngày 19/6/2009. Theo đó, hoạt động liên kết kinh doanh được thỏa thuận chấm dứt trước thời hạn với nguyên nhân là việc liên kết kinh doanh không còn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của cả hai bên. Công ty sẽ nhận bàn giao lại toàn bộ tài sản đem đi góp vốn liên doanh là 21 trạm xăng dầu cũng như kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ nợ liên quan đến hoạt động của các trạm xăng góp vốn. Ngoài ra, không phát sinh bất kỳ nghĩa vụ nào mà hai bên phải gánh chịu liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

**33. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



**Lê Văn Danh**

**Giám đốc**

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

**Nguyễn Thị Thùy Vân**

**Kế toán trưởng**